

Số: /QĐ-UBND

Mỹ Hào, ngày tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024
theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025**

ỦY BAN NHÂN DÂN THỊ XÃ MỸ HÀO

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hằng năm và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Thông tư của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội: Số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021 hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và mẫu biểu báo cáo; số 02/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/3/2022 sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH ngày 18/7/2021;

Căn cứ đề nghị của UBND các xã, phường về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2024;

Theo đề nghị của phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 356/TTr-LĐTBXH ngày 29/11/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ năm 2024 theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022-2025, cụ thể như sau:

Tổng số hộ toàn thị xã: 35.099 hộ.

Tổng số hộ nghèo: 156 hộ, tỷ lệ: 0,44%.

Tổng số hộ cận nghèo: 331 hộ, tỷ lệ: 0,94%.

(Có Phụ lục chi tiết kèm theo)

Điều 2. Số hộ nghèo, hộ cận nghèo phê duyệt tại Quyết định này là cơ sở để thực hiện chế độ bảo hiểm y tế; các chính sách an sinh xã hội; chính sách kinh tế, xã hội khác trong năm 2025.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND thị xã, Trưởng các phòng: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính - Kế hoạch; Thủ trưởng các cơ quan có liên quan; Chủ tịch UBND các xã, phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở LĐ-TB&XH (để b/c);
- Thường trực Thị ủy (để b/c);
- Thường trực HĐND thị xã;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND thị xã;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Quốc Khánh

ỦY BAN NHÂN DÂN
THỊ XÃ MỸ HÀO

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ RÀ SOÁT HỘ NGHÈO, CẬN NGHÈO NĂM 2024
THEO CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU GIAI ĐOẠN 2022-2025

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày /11/2024 của UBND thị xã Mỹ Hào)

Stt	Xã, Phường	Tổng số hộ dân cư	Tổng số nhân khẩu	Tổng số hộ nghèo	Tổng số khẩu nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo (%)	Tổng số hộ cận nghèo	Tổng số khẩu cận nghèo	Tỷ lệ hộ cận nghèo (%)	Tổng số người nghèo đề nghị cấp thẻ BHYT	Tổng số người cận nghèo đề nghị cấp thẻ BHYT
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
I	Khu vực thành Thị	21.141	72.651	79	203	0,37	181	487	0,86	157	418
1	Phường Bạch Sam	2.072	7.251	11	26	0,53	21	51	1,01	20	46
2	Phường Dị Sử	3.826	12.996	11	22	0,29	24	66	0,63	15	50
3	Phường Minh Đức	2.562	8.962	7	14	0,27	20	50	0,78	12	41
4	Phường Nhân Hòa	3.559	12.549	16	44	0,45	31	78	0,87	36	60
5	Phường Phan Đình Phùng	2.738	9.368	18	55	0,66	34	100	1,24	37	91
6	Phường Phùng Chí Kiên	1.904	6.186	8	23	0,42	25	70	1,31	18	64
7	Phường Bản Yên Nhân	4.480	15.339	8	19	0,18	26	72	0,58	19	66
II	Khu vực nông thôn	13.958	47.257	77	168	0,55	150	400	1,07	141	349
1	Xã Cẩm Xá	3.552	11.940	30	76	0,84	33	78	0,93	76	72
2	Xã Dương Quang	2.778	9.180	20	42	0,72	52	138	1,87	29	122
3	Xã Hòa Phong	2.892	10.151	11	22	0,38	18	44	0,62	18	32
4	Xã Hưng Long	1.284	4.405	5	5	0,39	21	59	1,64	1	51
5	Xã Ngọc Lâm	1.893	6.404	5	8	0,26	14	45	0,74	5	40
6	Xã Xuân Dục	1.559	5.177	6	15	0,38	12	36	0,77	12	32
	Tổng cộng: I+II	35.099	119.908	156	371	0,44	331	887	0,94	298	767